

Bản án số: 24/2022/HS-ST  
Ngày 25-01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Huê

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Ngọc Thương  
2. Ông Nguyễn Anh Đắc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đậu Thị Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 299/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

**Trần Thị Thu T**, sinh năm 1971 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (đã chết); con bà Nguyễn Thị X (đã chết); có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; chồng là Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1983; có 11 người con, con lớn nhất 33 tuổi, con nhỏ nhất 12 tuổi; Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Ngày 16-5-2000, Công an quận Y, thành phố Hồ Chí Minh bắt về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, sau đó được thả về.

+ Ngày 03-10-2000, Công an quận Y, thành phố Hồ Chí Minh bắt về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật hình sự, được tại ngoại vì có con nhỏ dưới 16 tháng tuổi. Sau đó, bị cáo bỏ trốn và bị truy nã theo Quyết định số 25/QĐ ngày 25-4-2001 của Cơ quan cảnh sát điều tra quận Y. Ngày 24-01-2011, bị cáo ra đầu thú. Ngày 27-01-2011, Cơ quan cảnh sát điều tra quận Y phục hồi điều tra khởi tố vụ án, bị can. Ngày 01-4-2011, Cơ quan cảnh sát điều tra quận Y ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án; đình chỉ điều tra bị can.

+ Ngày 05-5-2003, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng theo Bản án số 131/HSST

+ Ngày 27-5-2010, Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ (Một triệu đồng) về hành vi “Đánh bạc” theo Quyết định số 57/QĐ-XPHC.

+ Ngày 27-10-2010, Tòa án nhân dân huyện L, Đồng Nai xử phạt 03 (ba) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 148/2010/HSST.

+ Ngày 07-9-2011, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 07 (bảy) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 60/2011/HSST.

Bị bắt: 04-7-2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

**\* Bị hại:** Chị Lê Thị P, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 888/9/5/27 đường X, Phường S, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 04 tháng 7 năm 2021, Trần Thị Thu T đi xe nhờ của một người đàn ông từ B đến chợ R thuộc phường R, thành phố V để xin ăn. Khi đi vào chợ mua đồ ăn, T phát hiện chị Lê Thị P đi phía trước, có đeo 01 ba lô trên vai sau lưng và có 01 ngăn không khóa nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản có trong ba lô của chị P. T đi lại gần phía sau lưng chị P sau đó dùng tay trái lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10 lite trong ngăn ba lô thì bị chị P phát hiện và giữ tay T đồng thời truy hô. Lực lượng công an phường R đang tuần tra tại khu vực trên phát hiện và bắt quả tang T về hành vi trộm cắp tài sản.

Theo Kết luận định giá trị tài sản số 121/KL-HĐĐG-TTHS ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố V xác định: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10 lite, số Imei: 353676111640348 có giá trị là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Điện thoại đã thu hồi, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chị Lê Thị P. Chị P đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 299/CT-VKSTPVT ngày 26-10-2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Trần Thị Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa:*

\* Bị cáo Trần Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố với bị cáo.

\* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên không đề xuất thêm.

Lời nói sau cùng: Bị cáo hối hận, ăn năn về những hành vi phạm tội mình đã làm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại chi Lê Thị P vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường; bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa không yêu cầu hoãn phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào khoảng 09 giờ ngày 04 tháng 7 năm 2021, Trần Thị Thu T đi xe nhờ của một người đàn ông từ B đến chợ R thuộc phường R, thành phố V để xin ăn. Khi đang đi mua đồ ăn tại chợ R, thành phố V, Trần Thị Thu T đã lén lút lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu hiệu Samsung Galaxy Note 10 lite, số Imei: 353676111640348 trị giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng) của chị Lê Thị P.

Hành vi mà bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của

người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây bất an cho cộng đồng. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã từng bị xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản, nhân thân xấu. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh, tuyên mức hình phạt phù hợp, tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội nhằm cải tạo, giáo dục riêng bị cáo, đồng thời đảm bảo răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động hiệu hiệu Samsung Galaxy Note 10 lite, số Imei: 353676111640348, bị cáo chiếm đoạt là tài sản hợp pháp của bị hại chị Lê Thị P nên Cơ quan điều tra tiến hành trả lại cho chị P. Không ai có ý kiến, yêu cầu nên không xem xét thêm.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu T **12 (mười hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2021.

2. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

3. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo

qui định của pháp luật, đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06, PV10);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.V;
- Công an Tp.V;
- Chi cục THADS Tp.V;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Huê**